

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲ CHÂU
NGHỆ AN

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST

Ngày 24/4/2019

V/v tranh chấp Hôn nhân và
gia đình

Mẫu số 52-DS theo NQ số 01/2017 HĐTP - TANDTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ CHÂU - NGHỆ AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Huyền và ông Đào Minh Đức

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Tăng Thành Vương - Thư ký tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Bà Trần Hoàng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử (*Lần thứ hai*) số 09/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hồ Thị T - sinh năm 1992

Trú tại: Bản B III, xã C B - huyện Q C - tỉnh N A

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Hồng K - sinh năm 1991

Trú tại: Khối H H II, thị trấn T L - huyện Q C - tỉnh N A

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/01/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Hồ Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Bùi Hồng K kết hôn ngày 22/11/2011 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn TL - huyện QC - tỉnh NA. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung nhà với Bố - Mẹ anh K là ông Bùi Thanh H và bà Nguyễn Thị B tại khối HH II, thị trấn TL - huyện QC - tỉnh NA. Quan hệ tình cảm vợ - chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do tính cách hai người không hợp nên thường xuyên cãi vã, xô xát, đánh nhau; từ tháng 4/2012 đến nay hai người đã sống ly thân, không quan tâm chăm sóc và không có trách

niêm với nhau trong cuộc sống, không có mối liên hệ trên thực tế với nhau nữa. Hiện tại chị T về sống chung trong gia đình Bố - Mẹ đẻ tại xã CB, huyện QC và nay đi làm thuê ngoài Hà Nội. Thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ chung sống không hạnh phúc và không thể kéo dài nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Bùi Hồng K.

- Về quan hệ con cái: Chị Hồ Thị T và anh Bùi Hồng K có với nhau 01 con chung là Bùi Việt Kh, sinh ngày 24/9/2011. Ngoài ra không nuôi con nuôi và theo chị T trình bày thì bản thân không có con riêng. Trong đơn xin ly hôn cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa, chị T đề nghị nếu ly hôn thì giao con chung cho anh K nuôi dưỡng và bản thân sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh K mỗi tháng 2.000.000^d (hai triệu đồng). Quá trình thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án, anh K trình bày: Từ khi chị T bỏ đi từ năm 2012 đến nay con chung đang do anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay ly hôn anh K đồng ý tiếp tục thực hiện nghĩa vụ nuôi con chung và đề nghị chị T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000^d (hai triệu đồng). Bản thân cháu Bùi Việt Kh cũng mong muốn được ở với bố nếu Bố - Mẹ phải ly hôn.

- Về quan hệ tài sản: Chị Hồ Thị T và anh Bùi Hồng K đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị T cũng không yêu cầu bố - mẹ anh K là ông Bùi Thanh H và bà Nguyễn Thị B phải trích chia công sức lao động cho mình trong thời gian làm dâu trong gia đình.

Vào thời điểm nộp đơn khởi kiện, chị T đã thông báo qua điện thoại cho anh K biết việc đã đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, đã sao gửi đơn ly hôn và các tài liệu cho anh K qua đường Bưu điện và anh K cũng đã nhận được những tài liệu do chị T sao gửi. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh K đến để viết bản tự khai và lấy lời khai, bản thân anh K cũng nhất trí ly hôn theo như yêu cầu của chị T và không có tài liệu, chứng cứ gì giao nộp cho Tòa án. Nhưng sau nhiều lần tiếp theo tiến hành triệu tập để kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hòa giải thì anh K đều vắng mặt không có lý do. Theo thông tin của chị Hồ Thị T và mẹ anh Kỳ là bà Nguyễn Thị B cung cấp cũng như kết quả xác minh tại UBND thị trấn TL - huyện QC thì anh K hiện tại đang có hộ khẩu đăng ký thường trú tại khối HH II, thị trấn TL, huyện QC, tỉnh NA, tuy nhiên nay không có mặt tại địa phương, anh K làm nghề lao động tự do nhưng khi đi làm ăn xa không thực hiện việc đăng ký tạm vắng. Chính quyền địa phương và gia đình cũng như chị T không biết anh K hiện tại đang ở đâu, làm gì. Về phía Tòa án đã tiến hành mở phiên Tòa để xét xử vụ án lần này là lần thứ hai nhưng anh K vẫn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện không đầy đủ, không đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nay đi làm ăn xa, cố tình che giấu địa chỉ, không có thái độ cộng tác trong quá trình giải quyết vụ án.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điểm b khoản 2 điều 227, điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các điều 56, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình, xử:

- Về quan hệ tình cảm: Chấp nhận yêu cầu của chị Hồ Thị T. Xử cho chị T được ly hôn anh Bùi Hồng K.
- Về việc nuôi con chung: Giao con chung là Bùi Việt Kh, sinh ngày 24/9/2011 cho chị Hồ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Bùi Hồng K.
- Về tài sản: Đề nghị không xem xét.
- Về án phí: Buộc chị Hồ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đầy đủ lời khai của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nguyên đơn và bị đơn đều có hộ khẩu cư trú tại huyện QC, tỉnh NA. Do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện QC, tỉnh NA theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự có mặt của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Hồ Thị T trong quá trình giải quyết vụ án chấp hành đúng và đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Bùi Hồng K trong quá trình lấy lời khai đã có mặt; quá trình kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiến hành hòa giải và tại phiên tòa đều vắng mặt. Căn cứ vào Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP-TANDTC ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, hướng dẫn thi hành một số quy định của khoản 1 và khoản 3 điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự thì nguyên đơn là chị T đã cung cấp đúng địa chỉ của bị đơn, trong khi đó bị đơn là anh Bùi Hồng K không có mặt tại địa phương, đi làm ăn xa nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết nơi đang làm ăn, sinh sống hiện tại của mình, không báo với chính quyền địa phương và cũng không thông báo cho Tòa án biết. Hành vi đó của anh K là đã cố tình che giấu địa chỉ. Căn cứ khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ tình cảm: Chị T và anh K kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh K là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian ngắn, do phát mâu thuẫn gia đình mà không tự giải quyết được nên từ tháng 4/2012 đến nay chị T bỏ nhà ra đi, hai bên không liên lạc với nhau, không cung cấp các thông tin liên quan về bản thân và địa chỉ cho nhau và cho người thân trong gia đình biết. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu

tập các bên để tiến hành thu thập chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên anh K không có mặt, do đó việc hòa giải để các đương sự trở lại đoàn tụ không thực hiện được. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh K. Thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng thực sự đã trầm trọng, quan hệ hôn nhân không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị Hồ Thị T được ly hôn với anh Bùi Hồng K là phù hợp thực tế và phù hợp quy định của pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Hai người có 01 con chung là Bùi Việt Kh, sinh ngày 24/9/2011. Nếu ly hôn, chị T đề nghị giao con chung cho anh K nuôi dưỡng, chăm sóc và bản thân sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000^d (Hai triệu đồng). Quá trình xác minh, thu thập chứng cứ và lấy lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, anh Bùi Hồng K đề nghị nếu ly hôn thì xin được nuôi con chung vì trên thực tế đã trực tiếp nuôi con từ khi chị T bỏ nhà đi (năm 2012) đến nay. Ngoài ra cháu Bùi Việt Kh là con của hai người cũng có mong muốn, nguyện vọng được ở với bố nếu Bố - Mẹ ly hôn. Xét thấy, việc giao con chung chưa trưởng thành cho người nào nuôi sau khi vợ - chồng ly hôn là xuất phát từ quyền lợi của người con phải được nuôi dưỡng, chăm sóc trong điều kiện tốt nhất có thể được để phát triển bình thường, khỏe mạnh và có cơ hội học tập, ngoài ra còn xem xét đến khả năng của người được giao nghĩa vụ nuôi con. Nay bản thân anh K và chị T đều có sức khỏe, có nhận thức và khả năng làm ăn để nuôi con, tuy nhiên từ nhỏ đến nay cháu Bùi Việt Kh đang do anh K nuôi dưỡng, chăm sóc, có cuộc sống ổn định, ngoài ra cháu cũng mong muốn được ở với Bố. Do đó nghĩ không nên xáo trộn cuộc sống hiện tại của cháu và của các bên. Chấp nhận yêu cầu của chị T và anh K cũng như nguyện vọng của cháu Kh, giao con chung cho anh K nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và buộc chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Bùi Hồng K cho đến khi con chung trưởng thành. Sau này giữa các bên có tranh chấp về người nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng và nếu có yêu cầu thì sẽ xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

- Về quan hệ tài sản: Chị Hồ Thị T và anh Bùi Hồng K đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó không xem xét.

- Về án phí: Chị Hồ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử:

- Về quan hệ tình cảm: Chấp nhận yêu cầu của chị Hồ Thị T. Cho chị Hồ Thị T được ly hôn anh Bùi Hồng K.

- Về quan hệ con cái: Giao con chung là Bùi Việt Kh, sinh ngày 24/9/2011 cho anh Bùi Hồng K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Buộc chị Hồ Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Bùi Hồng K mỗi tháng 2.000.000^d (Hai triệu đồng), thi hành kể từ tháng 4/2019 cho đến khi con chung trưởng thành.

Chị Hồ Thị T được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Hồ Thị T phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng: 600.000^d (Sáu trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện QC theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001604 ngày 28/01/2019. Chị T còn phải nộp tiếp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST.

Án xử công khai, sơ thẩm. Có mặt nguyên đơn, được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh NA trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn, được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh NA trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định.

**T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận :

- VKSND huyện QC
- TAND Tỉnh NA
- Chi cục THA Dân sự huyện QC
- UBND thị trấn TL - QC
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu Hồ sơ vụ án.

Võ Văn Dũng